

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2146 /BQL-VP

Hải Phòng, ngày 17 tháng 5 năm 2024

V/v đề nghị duyệt bổ sung dự toán ngân sách
nhà nước năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chỉnh trang đô thị tại khu vực Bến xe Lạc Long cũ, từ năm 2022 đến nay, Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng đã chỉ đạo các đơn vị thi công khẩn trương thực hiện dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nhà kho và tường bao phía sông Tam Bạc của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng bị hư hỏng nặng do bị ảnh hưởng bởi quá trình thi công.

Để đảm bảo an ninh trật tự và bảo đảm an toàn cho tài sản trụ sở cơ quan, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố duyệt cấp bổ sung kinh phí năm 2024 để sửa chữa nhà kho và tường bao với số tiền là **1.102.409.000 đồng (Một tỷ một trăm linh hai triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng chẵn)** (có dự toán kèm theo).

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm, phê duyệt.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND TP;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VP 

TRƯỞNG BAN



Lê Trung Kiên



BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Dự án: Sửa chữa nhà kho và tường bao

Chủ đầu tư/ Cơ quan chủ trì dự án: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Tư vấn lập dự án:

Địa điểm XD:

Thời điểm lập dự án: .

Thời gian thực hiện dự án:

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước

Loại, cấp công trình có cấp cao nhất: 2

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Gbt,tác						
2	Chi phí xây dựng	Gcpxd				840.979.609	67.278.369	908.257.978
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công	Gxd				840.979.609	67.278.369	908.257.978
	+ HÀNG MỤC: SỬA CHỮA NHÀ KHO VÀ TƯỜNG BAO	Gxd.1				840.979.609	67.278.369	908.257.978
4	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,446 %		$3,446\% \times (Gxd+Gtb)$	28.980.157	2.318.413	31.298.570
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			$Gtv1 : Gtv38$	86.562.031	6.924.962	93.486.993
5.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv1	6,500 %		$6,5\% \times (Gxd+Gtb)$	54.663.675	4.373.094	59.036.769
5.2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	Gtv2	0,258 %		$0,258\% \times Gxd$	2.169.727	173.578	2.343.305
5.3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	Gtv3	0,250 %		$0,25\% \times Gxd$	2.102.449	168.196	2.270.645

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
5.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Giv4	3,285 %		$3,285\% \times Gxd$	27.626.180	2.210.094	29.836.274
6	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk12	16.063.677	806.334	16.870.011
6.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk1	0,570 %			5.984.507		5.984.507
6.2	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk2	0,960 %			10.079.170	806.334	10.885.504
7	Chi phí dự phòng	Gdp			Gdp1 + Gdp2	48.607.109	3.888.569	52.495.678
7.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	5,000 %		$5\% \times (Gcpxd + Gib + Gqlda + Giv + Gk)$	48.607.109	3.888.569	52.495.678
	TỔNG CỘNG LÀM TRÒN	Gtmdt				1.021.192.583	81.216.646	1.102.409.230
								1.102.409.000

Bảng chữ: Một tỷ một trăm linh hai triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng chẵn./